TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI LAI,** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HN-ST
Ngày: 16-01-2019
Về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Hoàng Long.

2. Ông Nguyễn Quốc Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tưởng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Ngày 16 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 134/2018/TLST-HN ngày 07/5/2018 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 263/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Thừa K, sinh năm 1993 (Có mặt).

Bị đơn: Chị Phạm Thị Thanh Th, sinh năm 1991 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã Tr, huyện T, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn anh Lê Thừa K, bị đơn chị Phạm Thị Thanh Th thống nhất trình bày: Qua giới thiệu mai mối của họ hàng, anh chị quen nhau, tìm hiểu trong khoảng thời gian hơn 01 tháng. Được sự chấp thuận của gia đình, anh chị tiến tới hôn nhân theo phong tục, nghi lễ truyền thống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Xuân, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ vào ngày 12/10/2016. Thời gian chung sống anh chị có con chung Lê Phạm Khôi Ng (Nam), sinh ngày 27/3/2017, từ khi sinh ra đến nay cháu được chị Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh chị cho rằng khi chung sống với gia đình bên chồng, do việc làm và điều kiện kinh tế khó khăn nên nhiều lần chị kêu anh về bên chị sinh sống, cùng đi làm thuê nhưng không được từ đó đời sống vợ chồng không được cải thiện, bắt đầu nảy sinh sự bất đồng. Sự việc cứ lập đi lập lại mà không tìm được tiếng nói chung để giải quyết rồi trở thành mâu thuẫn cách biệt mặc dù hai bên gia đình đều hay biết, cũng có khuyên can nhưng không đạt kết quả. Sau khi sinh cháu Ng được vài tháng thì chị cùng con về gia đình mẹ ruột sinh sống và anh chị sống ly thân đến nay. Trong thời gian ly thân anh có đến thuyết phục vợ cùng con trở về nhưng không được, tình cảm vợ chồng đến nay thật sự đã chấm dứt vì cả hai không còn quan tâm đến nhau nữa, do đó:

Anh K yêu cầu được ly hôn với chị Th; giao cháu Ng cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng, vì việc làm và thu nhập không ổn định nên anh không cấp dưỡng nuôi con; Tài sản và nợ không có, anh không yêu cầu xem xét giải quyết.

Chị Th thống nhất về việc anh chị không có nợ chung. Đồng ý ly hôn và tiếp tục nuôi cháu Ng nhưng yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật 695.000 đồng/tháng cho đến khi cháu tròn 18 tuổi, bắt đầu từ ngày 01/02/2019. Về tài sản chung 01 (một) lượng vàng 24K là số vàng cưới hai bên gia đình cho, sau khi về chung sống để cải thiện điều kiện kinh tế gia đình nên vào khoảng năm 2016 anh chị dùng số vàng trên cố 02 (hai) công đất ruộng của chị ruột anh tên Lê Thị Thúy D. Do chỗ chị em ruột nên việc cố đất chỉ thỏa thuận miệng, vợ chồng canh tác đến khi nào trả đất thì chị D trả lại vàng. Nay chị yêu cầu anh K phải chia lại cho chị 05 (năm) chỉ vàng 24K.

Anh K thừa nhận có việc cố đất của chị D như trình bày nhưng trong thời gian sống ly thân do cần tiền để mổ chân (bị tại nạn trước khi cưới chị Th) nên đã trả lại đất và chị D đã trả lại vàng, anh dùng số vàng đó làm chi phí gần 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), số tiền còn lại dùng làm chi phí sinh hoạt hằng ngày đến nay đã hết. Do công việc phụ hồ thu nhập không ổn định nên việc chị Th yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và chia lại 05 (năm) chỉ vàng 24K anh không đồng ý.

Chị Lê Thị Thúy D thừa nhận có cố đất cho anh K chị Th, việc cố đất này được giao kết bằng miệng và đã kết thúc vì trong thời gian vợ chồng ly thân, anh K cần tiền mổ chân nên đã trả đất và chị đã trả vàng lại cho anh K nên chị không có liên quan trong vụ án này nữa, chị không có nghĩa vụ đối với việc chia số vàng trên. Anh chị thống nhất rằng chị D không có liên quan đến việc chia tài sản nên chị D không có quyền và nghĩa vụ gì liên quan đến vụ án này.

Diễn biến tại phiên tòa, anh K giữ nguyên yêu cầu về ly hôn, nuôi con và quan điểm về việc cấp dưỡng, chia tài sản chung. Chị Th giữ nguyên yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung. Không yêu cầu chia các tài sản khác của anh K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các văn bản, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh K chị Th cùng cư trú tại huyện Thới Lai tranh chấp với nhau về việc ly hôn, về nuôi con, tiền cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung của vợ chồng nên quan hệ pháp luật được áp dụng giải quyết trong vụ án là tranh chấp ly hôn, con chung, cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung. Tòa án thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền, các yêu cầu, quan điểm, ý kiến của anh chị đều thuộc phạm vi giải quyết vụ án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 39 và Khoản 1 Điều 188 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Các vấn đề đã thống nhất, không tranh chấp: Theo các Biên bản ngày 27/12/2018, căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014 Tòa án ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận, định đoạt về việc anh chị thống nhất ly hôn và nuôi con chung.

[3] Về cấp dưỡng: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 82 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014 thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con vẫn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên. Chị Th yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi cháu Ng 695.000 đồng/tháng không vượt quá ½ (một phần hai) mức lương tối thiểu theo hướng dẫn tại khoản 2, Phần III Công văn số 24/1999/KHXX của Tòa án nhân dân tối cao ngày 17/3/1999. Thời điểm hiện tại, tuy pháp luật hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể xác định chi phí nuôi con cũng như quy định cụ thể về mức cấp dưỡng nuôi con, nhưng xét hoàn cảnh thực tế về khả năng kinh tế và thu nhập của anh chị Hội đồng xét xử thấy rằng mức cấp dưỡng nuôi con 695.000 đồng/tháng theo yêu cầu của chị Th là có căn cứ, phù hợp với mức lương tối thiểu quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Nghị định 47/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017. Mức cấp dưỡng này tuy chưa phản ánh đầy đủ các chi phí, phí tổn trong quá trình nuôi con nhưng phần nào, pháp luật ghi nhận chia sẻ gánh nặng về tài chính trong quá trình chị Th nuôi con.

[4] Anh K có khả năng lao động nhưng thu nhập chưa rõ ràng, ổn định trong khi đó anh chị không thỏa thuận được việc cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng nên trong các phương thức cấp dưỡng được quy định tại Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014 thì cấp dưỡng hàng tháng sẽ không làm tăng gánh nặng cho bản thân do đó anh K phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hàng tháng cho cháu Ng với số tiền 695.000 đồng, bắt đầu từ ngày 16/01/2019 cho đến khi cháu tròn 18 tuổi.

[5] Về quyền, nghĩa vụ của anh K chị Th đối với cháu Ng sau khi anh chị ly hôn: Căn cứ Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014 anh chị có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ng theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014 mà không ai được quyền ngăn cản.

[6] Về tài sản: Theo các Biên bản vào ngày 27/12/2018, anh chị thống nhất xác định tài sản chung 01 lượng vàng 24K và dùng để cố đất của chị D, trong thời gian ly thân anh K đã trả đất, nhận lại toàn bộ số vàng trên từ chị D. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 sự thừa nhận này cùng với sự xác nhận của chị D được xác định là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh, do đó 01 lượng vàng 24K là tài sản chung của anh chị hình thành trong thời kỳ hôn nhân. Tài sản chung được sử dụng vào nghĩa vụ chung của vợ chồng trong khi đó anh K lại sử dụng vào mục đích riêng, căn cứ Khoản 2 Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014 anh phải có nghĩa vụ hoàn trả 05 chỉ vàng 24K cho chị Th (tương đương 18.210.000đồng).

[7] Về nợ: Ghi nhận lời trình bày về việc anh chị không có nợ, trường hợp phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[8] Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm: Theo quy định tại Khoản 2, 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và hướng dẫn tại điểm b Khoản 5, điểm đ Khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 anh K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và 910.500 đồng án phí đối với giá trị phần tài sản có yêu cầu chia. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/002671 ngày 26/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai, Anh phải nộp thêm 1.210.500 đồng. Chị Th phải chịu 910.500 đồng án phí đối với giá trị phần tài sản được chia, khấu trừ 452.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/003025 ngày 27/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai, Chị phải nộp thêm 758.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5, Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 92, Khoản 2, 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 188 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Khoản 2 Điều 59, Khoản 2 Điều 82, các Điều 110, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Thừa K về việc ly hôn và nuôi con chung. Chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung của chị Phạm Thị Thanh Th.

Về hôn nhân: Anh Lê Thừa K ly hôn với chị Phạm Thị Thanh Th.

Về con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị Thanh Th trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Phạm Khôi Ng (Nam), sinh ngày 27/3/2017. Anh Lê Thừa K có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Ng mỗi tháng 695.000 đồng (Sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng), bắt đầu từ ngày 16/01/2019 cho đến khi cháu tròn 18 tuổi.

Anh K chị Th có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ng không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản: Anh Lê Thừa K có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Phạm Thị Thanh Th 05 (năm) chỉ vàng 24K, tương đương 18.210.000đồng.

Về nợ: Ghi nhận lời trình bày về việc anh chị không có nợ, trường hợp phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: anh K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và 910.500 đồng án phí đối với giá trị phần tài sản có yêu cầu chia. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/002671 ngày 26/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai, anh phải nộp thêm 1.210.500 đồng. Chị Th phải chịu 910.500 đồng án phí đối với giá trị phần tài sản được chia, khấu trừ 452.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/003025 ngày 27/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai, chị phải nộp thêm 758.500 đồng (Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai. Địa chỉ: Ấp Thới Thuận B, thị trấn Thới Lai, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ).

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Toà án nhân dân thành phố Cần Thơ;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai;
- Ủy ban nhân dân xã Trường Xuân, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ;
- Lưu: hồ sơ (15.MM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Minh Mẫn